

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST

Ngày: 30/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Hữu Thanh

Bà Phước Thị Kim Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đăng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long, tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2025/TLST-HS, ngày 20 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn Vũ Trường G, tên gọi khác: không có. Giới tính: Nam. Sinh ngày: 09 tháng 3 năm 1989 tại: tỉnh Đồng Tháp. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 9/12. Nơi thường trú: Tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tổ B, ấp T, phường C, tỉnh Đồng Tháp). Nơi ở hiện tại: Tổ B, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Tổ B, ấp T, phường C, tỉnh Đồng Tháp). Họ tên cha: Lê Hoàng T, sinh năm 1953. Họ tên mẹ: Trần Thị M, sinh năm 1951. Anh, chị, em ruột: 04 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất là bị cáo. Vợ: Lê Thị Thúy D, sinh năm 1993 (đã ly hôn). Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 26/02/2025 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Vũ Trường G: Bà Trương Thị Mỹ H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T (nay là Trung tâm T5, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị hại: Ông Cao Thanh D1, sinh năm 1979 (chết). Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1945. Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H1: Bà Cao Thị V, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long theo văn bản ủy quyền đề ngày 24/7/2025) có mặt.

2. Em Cao Thị Huyền T1, sinh ngày 30/10/2008. Địa chỉ: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã M, tỉnh Vĩnh Long).

3. Em Cao Thanh T2, sinh ngày 07/10/2015. Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của em Cao Thị Huyền T1 và em Cao Thanh T2: Bà Nguyễn Thị Thuyền N, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp H, xã C, tỉnh Vĩnh Long) có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đặng Phước T3, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, phường M, tỉnh Đồng Tháp) có mặt.

2. Công ty B. Địa chỉ: Số A, đường H, ấp A, phường Đ, tỉnh Đồng Tháp (xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Thái Duy T4, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (nay là ấp T, xã M, tỉnh Đồng Tháp) xin vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là ấp H, xã P, tỉnh Tây Ninh).

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là T, xã C, tỉnh Vĩnh Long) vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long) xin vắng mặt.

4. Ông Trần H2, sinh năm 1970 xin vắng mặt.

5. Bà Sơn Thị N1, sinh năm 1955 xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Văn Vũ Trường G, nghề nghiệp tài xế, lái xe ô tô tải thuê cho ông Đặng Phước T3, sinh năm 1982, cư trú tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp vận chuyển tôm thu mua từ khu vực thị xã D và huyện C, tỉnh Trà Vinh về tỉnh Đồng Tháp. Vào khoảng 19 giờ 10 phút ngày 30/9/2024, bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 66C - 074.09 lưu thông trên tuyến Quốc lộ E hướng từ thị xã D về thành phố T. Khi đi đến đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo điều khiển xe ô tô tải đi ở phần đường bên phải hướng đi với vận tốc khoảng 60 - 70km/giờ.

Lúc này, bị cáo quan sát thấy phía trước ở phần đường bên trái hướng đi, cách xe của bị cáo khoảng 20 mét, có ông Cao Thanh D1, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ (có dung tích xinh lạnh 109,1 cm³), biển số 84E1 – 850.06, đang từ đường nhánh không ưu tiên ra Quốc lộ E. Ông D1 bật đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu (xi nhan) bên phải để chuyển từ phần đường bên trái sang phần đường bên phải theo cùng chiều hướng đi với xe bị cáo. Bị cáo thấy ông D1 điều khiển xe ra gần đến giữa đường, nghĩ ông D1 sẽ dừng lại ở vạch phân tuyến giữa đường để nhường cho xe bị cáo đi qua trước nên bị cáo chỉ bấm còi cảnh báo và tiếp tục cho xe chạy tới mà không giảm tốc độ, khoảng cách giữa 02 xe lúc này là khoảng 13 mét.

Bị cáo di chuyển một đoạn khoảng 07 mét thì thấy ông D1 không dừng xe lại ở vạch phân tuyến giữa đường mà tiếp tục cho xe di chuyển sang làn đường trong cùng bên phải theo chiều hướng đi của xe bị cáo. Do khoảng cách giữa xe ô tô do bị cáo điều khiển với xe mô tô do ông D1 điều khiển đã quá gần (khoảng 03 mét). Bị cáo liền đánh lái sang phải để vượt xe ông D1 thì phát hiện ở làn phía trong cùng của làn đường bên phải có một xe mô tô khác đang lưu thông, song song cùng chiều với xe bị cáo nên bị cáo không thể đánh lái cho xe đi sát vào làn đường bên phải được mà tiếp tục cho xe chạy thẳng về phía trước, dẫn đến phần đầu bên trái của xe ô tô tải do bị cáo điều khiển va chạm vào phần tay cầm bên phải của xe mô tô do ông D1 điều khiển. Hậu quả, ông D1 té ngã xuống mặt đường bị thương tích nặng được đưa đi cấp cứu, đến 00 giờ 50 phút ngày 01/10/2024 ông D1 tử vong. Tài sản bị hư hỏng, thiệt hại qua định giá là 496.000 đồng (bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 518/KLGĐTT-KTHS ngày 16/10/2024 của Phòng K – Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân ông Cao Thanh D1 tử vong là do đa chấn thương. Không tìm thấy nồng độ cồn (E) trong mẫu máu của D1.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và biên bản dựng lại hiện trường xác định: đoạn đường xảy ra vụ án là đoạn đường thẳng, hai chiều, được trải nhựa bằng phẳng, mặt đường rộng 11 mét, có vạch nét đứt màu vàng phân chia làm hai chiều xe chạy riêng biệt; mỗi phần đường có được phân chia bằng vạch nét đứt màu trắng phân chia thành 02 làn xe chạy cùng chiều; có biển báo hiệu đường bộ (biển số R.420 “Bắt đầu khu đông dân cư”; biển số W.207e “Giao nhau với đường không ưu tiên (đường nhánh)”; biển

số I.423b “Vị trí người đi bộ sang ngang”, có đèn chiếu sáng công cộng. Lấy mép đường bên phải theo hướng từ thị xã D đến thành phố T làm mép đường chuẩn xác định điểm đụng, vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 và xe ô tô biển số 66C – 074.09 nằm trên phần đường bên phải, cách mép đường chuẩn là 2,85 mét, cách vạch phân tuyến giữa đường 2,65 mét.

Kết luận giám định số: 524/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: giám định hành trình tốc độ xe ô tô biển số 66C – 074.09 tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông là 63km/giờ.

Kết quả giám định dấu vết cơ học số: 614/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: giữa xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 và xe ô tô biển số 66C – 074.09 có va chạm với nhau. Bộ phận tay cầm, kính chiếu hậu bên phải của xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 và cụm đèn tín hiệu bên trái phía trước của xe ô tô biển số 66C – 074.09 là các bộ phận đầu tiên va chạm giữa hai phương tiện. Hai phương tiện va chạm cùng chiều, chiều xuống mặt đường thuộc phần đường bên phải của tuyến Quốc lộ E, hướng đi từ thị xã D đến thành phố T. Vùng va chạm được xác định trong biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phù hợp với dấu vết để lại hiện trường của vụ tai nạn giao thông đường bộ trên.

Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kết luận giám định dấu vết cơ học và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ xác định nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ trên như sau:

- Đối với ông Cao Thanh D1: Điều khiển xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 tham gia giao thông từ tuyến đường nhựa liên xã (đường không ưu tiên) ra tuyến Quốc lộ E (đường ưu tiên). Khi điều khiển xe mô tô từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, ông D1 có bật đèn tín hiệu (xi nhan) bên phải nhưng không chú ý quan sát, không nhường đường cho xe đang lưu thông trên đường ưu tiên dẫn đến va chạm với xe ô tô tải biển số 66C-074.09 do bị cáo điều khiển, hậu quả ông D1 tử vong. Hành vi của ông D1 là có lỗi, vi phạm vào khoản 3, Điều 24 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Ngoài ra, khi tham gia giao thông ông D1 điều khiển xe mô tô (có dung tích xi lanh 109,1 cm³) nhưng không có giấy phép lái xe hạng A1 phù hợp với loại xe đang điều khiển, vi phạm vào khoản 9, Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Đối với bị cáo Lê Văn Vũ Trường G: Điều khiển xe ô tô tải biển số 66C – 074.09 tham gia giao thông trên tuyến Quốc lộ E theo hướng từ thị xã D đi thành phố T. Trước khi xảy ra tai nạn, bị cáo G đã điều khiển xe ô tô vào nơi có đặt biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên (đường nhánh)”, biển báo “Bắt đầu khu đông dân cư”, bị cáo không giảm tốc độ để có thể dừng xe một cách an toàn, vẫn điều khiển xe ô tô giữ tốc độ 63km/h. Nên khi bị cáo quan sát thấy trước xe mô tô do ông Cao Thanh D1 đang điều khiển đi từ phần đường bên trái sang phần đường bên phải theo chiều hướng đi của bị cáo (khoảng cách bị cáo phát hiện ông D1 là khoảng 20 mét), bị cáo có cầm còi báo hiệu và cho rằng ông D1 sẽ dừng lại để nhường đường cho xe bị cáo qua trước. Khi ông D1 đã qua đến vạch phân tuyến giữa đường nhưng không dừng lại, lúc này khoảng

cách giữa 02 xe quá gần (khoảng 03 mét), bị cáo phải đánh lái sang phải để vượt phải nhưng không vượt được dẫn đến xe ô tô tải do bị cáo điều khiển va chạm với xe mô tô do ông D1 điều khiển, hậu quả làm ông D1 tử vong. Khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông, bị cáo có giấy phép lái xe hạng C phù hợp với loại xe đang điều khiển, không có sử dụng rượu, bia, chất kích thích. Hành vi nêu trên của bị cáo là có lỗi, vi phạm vào khoản 1, khoản 5 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, vi phạm vào Điều 12, 14 Luật giao thông đường bộ, hậu quả làm chết một người đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ theo Điều 260 Bộ luật hình sự.

Ngày 26/02/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị cáo đối với Lê Văn Vũ Trường G về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại khoản 1, Điều 260 Bộ luật Hình sự và áp dụng biện pháp ngăn chặn ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh để phục vụ công tác điều tra.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe ô tô tải biển số 66C – 074.09, nhãn hiệu DOTHANH, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, tải trọng 6500kg, số khung 17BPHD003340, số máy D4DBGJ640806, xe đã qua sử dụng; 01 (một) thiết bị giám sát hành trình, model: TMS-4G02, tài khoản đăng nhập: phuocthuan, mật khẩu: 12345, của phương tiện xe ô tô tải biển số 66C – 074.09; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 012536; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng kiểm, số 0692318; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm, số 0262529 đã trao trả cho chủ phương tiện là ông Đặng Phước T3;

- 01 (một) xe mô tô biển số 84E1 – 580.06, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ đen bạc, số máy JA39E2564182, số khung RLHJA392DNY067239, đã qua sử dụng đã trao trả cho bà Cao Thị V là người đại diện của bị hại ông Cao Thanh D1;

- 01 (một) Giấy phép lái xe, số 870114000142, mang tên Lê Văn Vũ Trường G đã trả lại cho bị cáo Lê Văn Vũ Trường G.

Vật chứng hiện tạm giữ: Không.

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKS-HS ngày 18/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long) đã quyết định truy tố bị cáo Lê Văn Vũ Trường G về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Vũ Trường G khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả, vụ tai nạn xảy ra bị cáo thấy mình có lỗi. Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản Cáo

trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa bà Cao Thị V trình bày: Trong vụ tai nạn giao thông này bà thấy bị hại cũng có 01 phần lỗi. Về trách nhiệm hình sự bà xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự gia đình bị hại đã nhận số tiền bồi thường 110.000.000 đồng (trong đó chi phí mai táng là 90.000.000 đồng, 20.000.000 đồng hỗ trợ thêm cho mẹ của bị hại) xong và không có tranh chấp về số tiền này. Nay đại diện cho bị hại chỉ yêu cầu bồi thường thêm 40.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần, ngoài ra không còn yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thuỳ N trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Cao Thị V, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa ông Đặng Phước T3 trình bày: Xe ô tô tải biển số 66C - 074.09 do ông Đặng Phước T3 là chủ sở hữu có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự tại Công ty B và Công ty B đã chi trả chi phí bảo hiểm cho ông Đặng Phước T3 số tiền là 110.000.000 (một trăm mười triệu đồng), ông T3 nhận số tiền này và đã bồi thường cho phía bị hại xong, nay ông không đặt ra yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu của đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bồi thường thêm 40.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần. Ông Đặng Phước T3 là chủ xe tự nguyện cùng với bị cáo G mỗi người bồi thường 20.000.000 đồng (tổng cộng là 40.000.000 đồng) tiền tổn thất tinh thần cho phía gia đình bị hại.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Vĩnh Long) vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

- *Về trách nhiệm hình sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Vũ Trường G phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 02 năm đến 04 năm, kể từ ngày tuyên án.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và ông Đặng Phước T3 là chủ xe ô tô tải biển số 66C-074.09 tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 40.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng, miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo; buộc ông Đặng Phước T3 nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bà Trương Thị Mỹ H trình bày lời bào chữa cho bị cáo:

Khẩn định Cáo trạng số: 28/CT-VKS-HS, ngày 18/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Văn Vũ Trường G về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự là đúng. Trợ giúp viên pháp lý không bào chữa về tội danh và khung hình phạt mà chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi bị cáo trình độ học vấn thấp nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý không mong muốn hậu quả xảy ra, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đã ly hôn và đang nuôi mẹ già, nuôi 02 con nhỏ; bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình cùng với ông T3 bồi thường thiệt hại số tiền 110.000.000 đồng, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự, xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo tác động gia đình và chủ xe ông T3 đã bồi thường cho gia đình bị hại toàn bộ chi phí mai táng số tiền 90.000.000 đồng, hỗ trợ thêm cho mẹ bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 40.000.000 đồng. Bị cáo và ông Đặng Phước T3 là chủ xe ô tô tải biển số 66C-074.09 tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp cho bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và ông T3 đối với đại diện hợp pháp của bị hại. Ngoài ra xem xét bị thuộc diện hộ nghèo nên đề nghị miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Lê Văn Vũ Trường G nói lời sau cùng: Tai nạn giao thông xảy ra nêu trên bị cáo có lỗi, bị cáo ăn năn hối cải, xin lỗi gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty B có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng anh Nguyễn Hữu P vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty B và người làm chứng theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn Vũ Trường G khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai, biên bản hỏi cung của bị cáo khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào khoảng 19 giờ 10 phút ngày 30/9/2024, bị cáo Lê Văn Vũ Trường G có hành vi điều khiển xe ô tô tải biển số 66C-074.09 lưu thông trên tuyến Quốc

lộ E theo hướng từ thị xã D về thành phố T. Khi đi đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh bị cáo quan sát phía trước bên trái, cách xe bị cáo khoảng 20 mét, thấy ông Cao Thanh D1 đang điều khiển xe mô tô có tín hiệu sang đường, đi từ phần đường bên trái sang phần đường phải theo cùng chiều hướng đi của bị cáo. Bị cáo bấm còi cảnh báo, tự tin cho rằng ông D1 sẽ dừng lại để nhường đường cho bị cáo qua trước, đến khi ông D1 đi đến vạch phân tuyến giữa đường nhưng không dừng lại, lúc này khoảng cách giữa 02 xe quá gần (khoảng 03 mét), bị cáo đánh lái sang phải để vượt xe ông D1 nhưng vượt không được dẫn đến va chạm với xe mô tô của ông D1. Hậu quả làm ông D1 té ngã dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số: 518/KLGĐTT-KTHS ngày 16/10/2024 của Phòng K - Công an tỉnh T kết luận: Nguyên nhân ông Cao Thanh D1 tử vong là do đa chấn thương. Không tìm thấy nồng độ cồn (E) trong mẫu máu của ông D1.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và biên bản dựng lại hiện trường xác định: Đoạn đường xảy ra vụ án là đoạn đường thẳng, hai chiều, được trải nhựa bằng phẳng, mặt đường rộng 11 mét, có vạch nét đứt màu vàng phân chia làm hai chiều xe chạy riêng biệt; mỗi phần đường có được phân chia bằng vạch nét đứt màu trắng phân chia thành 02 làn xe chạy cùng chiều; có biển báo hiệu đường bộ (biển số R.420 “Bắt đầu khu đông dân cư”; biển số W.207e “Giao nhau với đường không ưu tiên (đường nhánh)”; biển số I.423b “Vị trí người đi bộ sang ngang”, có đèn chiếu sáng công cộng. Lấy mép đường bên phải theo hướng từ thị xã D đến thành phố T làm mép đường chuẩn xác định điểm đụng, vùng va chạm giữa xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 và xe ô tô biển số 66C – 074.09 nằm trên phần đường bên phải, cách mép đường chuẩn là 2,85 mét, cách vạch phân tuyến giữa đường 2,65 mét.

Kết luận giám định số: 524/KL-KTHS ngày 11/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: giám định hành trình tốc độ xe ô tô biển số 66C – 074.09 tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông là 63km/giờ.

Kết quả giám định dấu vết cơ học số: 614/KL-KTHS ngày 31/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: giữa xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 và xe ô tô biển số 66C – 074.09 có va chạm với nhau. Bộ phận tay cầm, kính chiếu hậu bên phải của xe mô tô biển số 84E1 – 580.06 và cụm đèn tín hiệu bên trái phía trước của xe ô tô biển số 66C – 074.09 là các bộ phận đầu tiên va chạm giữa hai phương tiện. Hai phương tiện va chạm cùng chiều, chiếu xuống mặt đường thuộc phần đường bên phải của tuyến Quốc lộ E, hướng đi từ thị xã D đến thành phố T. Vùng va chạm được xác định trong biên bản dựng lại hiện trường ngày 01/10/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C phù hợp với dấu vết để lại hiện trường của vụ tai nạn giao thông đường bộ trên.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thống nhất các bản kết luận giám định nêu trên. Bị cáo thừa nhận vụ tai nạn giao thông xảy ra ngày 30/9/2024 bị cáo có lỗi.

Từ những chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn Vũ Trường G phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì xe ô tô là nguồn nguy hiểm cao độ, khi tham gia giao thông tuyệt đối phải tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy tắc giao thông đường bộ nhằm phòng tránh tai nạn xảy ra. Trong vụ án này, nguyên nhân chính dẫn đến tai nạn giao thông là do bị cáo điều khiển điều khiển xe ô tô vào nơi có đặt biển báo “Giao nhau với đường không ưu tiên (đường nhánh)”, biển báo “Bắt đầu khu đông dân cư”, bị cáo không giảm tốc độ để có thể dừng xe một cách an toàn, vẫn điều khiển xe ô tô giữ tốc độ 63km/h. Nên khi bị cáo quan sát thấy trước xe mô tô do ông Cao Thanh D1 đang điều khiển đi từ phần đường bên trái sang phần đường bên phải theo chiều hướng đi của bị cáo (khoảng cách bị cáo phát hiện ông D1 là khoảng 20 mét), bị cáo có bấm còi báo hiệu và cho rằng ông D1 sẽ dừng lại để nhường đường cho xe bị cáo qua trước. Khi ông D1 đã qua đến vạch phân tuyến giữa đường nhưng không dừng lại, lúc này khoảng cách giữa 02 xe quá gần (khoảng 03 mét), bị cáo phải đánh lái sang phải để vượt phải nhưng không vượt được dẫn đến xe ô tô tải do bị cáo điều khiển va chạm với xe mô tô do ông D1 điều khiển, hậu quả làm ông D1 tử vong. Hành vi nêu trên của bị cáo là có lỗi, vi phạm vào khoản 1, khoản 5 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ, vi phạm vào Điều 12, 14 Luật giao thông đường bộ.

- *Đối với ông Cao Thanh D1:* Điều khiển xe mô tô biển số 84E1 - 580.06 tham gia giao thông từ tuyến đường nhựa liên xã (đường không ưu tiên) ra tuyến Quốc lộ E (đường ưu tiên). Khi điều khiển xe mô tô từ đường không ưu tiên ra đường ưu tiên, ông D1 có bật đèn tín hiệu (xi nhan) bên phải nhưng không chú ý quan sát, không nhường đường cho xe đang lưu thông trên đường ưu tiên dẫn đến va chạm với xe ô tô tải biển số 66C-074.09 do bị cáo điều khiển, hậu quả ông D1 tử vong. Hành vi của ông D1 là có lỗi, vi phạm vào khoản 3, Điều 24 Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Ngoài ra, khi tham gia giao thông ông D1 điều khiển xe mô tô (có dung tích xi lanh 109,1 cm³) nhưng không có giấy phép lái xe hạng A1 phù hợp với loại xe đang điều khiển, vi phạm vào khoản 9, Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường, tác động bồi thường, khắc phục hậu quả cho đại diện gia đình của bị hại; người bị hại cũng có lỗi trong vụ án; đại diện gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, mặt khác để đảm bảo an toàn giao thông đường bộ Nhà nước đã tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau mục đích để kéo giảm tai nạn giao thông nhằm bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân khi tham gia giao thông, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ nhằm phòng tránh và hạn chế tai nạn xảy ra. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này ra bị cáo luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, từ trước đến nay không vi phạm, trong thời gian thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo chấp hành tốt việc cam đoan, không vi phạm, bị cáo là lao động chính gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã ly hôn và đang nuôi có 02 con nhỏ, trong vụ án này bị hại có một phần lỗi, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không ảnh hưởng đến nguy hại cho xã hội. Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa, Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Đồng Tháp nơi bị cáo cư trú để theo dõi, giám sát, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với xe ô tô tải biển số 66C - 074.09 do ông Đặng Phước T3 là chủ sở hữu có tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự tại Công ty B, Công ty B đã chi trả chi phí bảo hiểm cho ông Đặng Phước T3 số tiền là 110.000.000 (một trăm mười triệu đồng); bị cáo và ông Đặng Phước T3 đã bồi thường số tiền này cho gia đình bị hại xong. Các đương sự không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nay đại diện hợp pháp của bị hại chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường tiền tổn thất tinh thần với số tiền là 40.000.000 đồng. Bị cáo và ông Đặng Phước T3 là chủ xe ô tô tải biển số 66C-074.09 tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của đại diện hợp pháp cho bị hại (bị cáo và ông Đặng Phước T3 mỗi người tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng tiền tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại); xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và ông T3 với đại diện hợp pháp của bị hại, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận, buộc bị cáo và ông

T3 mỗi người có trách nhiệm bồi thường 20.000.000 đồng (tổng cộng là 40.000.000 đồng) tiền tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại.

[4] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho chủ sở hữu xong, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo Lê Văn Vũ Trường G thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ Điều 12, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Buộc Đặng Phước T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý trình bày lời bào chữa cho bị cáo nêu ra các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét lời luận tội của Kiểm sát viên trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí hình sự nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Vũ Trường G phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Vũ Trường G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Vũ Trường G cho Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo Lê Văn Vũ Trường G vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của

bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Lê Văn Vũ Trường G và ông Đặng Phước T3 mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho chủ sở hữu xong, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ các Điều 12, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn Vũ Trường G.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 15 và Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn Vũ Trường G. Buộc ông Đặng Phước T3 phải nộp 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo; người đại diện hợp pháp cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; các điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 13 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Công an phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Hùng Anh